TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/TCDS-ST
Ngày: 06 - 7 - 2023
V/v tranh chấp thanh toán tiền mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn,

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đặng và ông Nguyễn Xuân Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 17/2023/TLST-TCDS ngày 20 tháng 3 năm 2023, về "Tranh chấp thanh toán tiền mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXX-ST, ngày 08 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐST-TCDS ngày 21 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

Bị đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Gia đình Chị buôn bán thức ăn chăn nuôi gia súc, vợ chồng chị T mua thức ăn chăn nuôi và nợ của Chị từ năm 2014 với số tiền 23.630.000 đồng; ngày 05/8/2014 chị T trả 9.800.000 đồng, còn nợ lại 13.770.000 đồng, đến ngày 27/12/2014 (âm lịch) chị Võ Thị T đã trả 2.000.000 đồng còn nợ lại 11.770.000 đồng. Từ đó đến nay Chị đã trực tiếp đến gặp, trao đổi yêu cầu chị T trả nợ nhiều lần nhưng chị T không trả. Vì vậy, Chị yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị T phải trả cho Chị số tiền còn nợ 11.770.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Võ Thị T trình bày:

Trước năm 2009, gia đình Chị có nuôi gia cầm và có mua thức ăn tại chị S, mua đến đâu thánh toán đến đó, nhưng năm 2009 chồng Chị mất thì Chị không còn mua

thức ăn nữa. Việc chị S khởi kiện yêu cầu Chị trả nợ tiền thức ăn gia súc là không đúng, Chị không thừa nhận chữ ký trên giấy nợ mà chị S đã nộp cho Tòa án là chữ ký của Chị, Chị đề nghị Tòa án giám định chữ ký của Chị theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bên không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh phát biểu quan điểm*:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về thanh toán tiền mua bán hàng hóa, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh theo quy định tại Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký: Sau khi thụ lý, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại các điều 28, 35, 39, 48, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 195, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Việc thu thập chứng cứ, việc cấp tống đạt các văn bản cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng quy định tại các điều từ 213 đến điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 280, 357, 434, 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; Buộc chị Võ Thị T phải trả cho chị Nguyễn Thị S số tiền còm nợ là 11.770.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp về thanh toán tiền mua bán hàng hóa, Bị đơn có nơi cư trú tại xã A, huyện Q, căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Bị đơn chị Võ Thị T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt; căn cứ vào khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tung dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S yêu cầu chị Võ Thị T trả cho Chị số tiền là 11.770.000 đồng không yêu cầu trả lãi; Chị Võ Thị T không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và cho rằng không nợ của chị S; chữ ký không phải của mình.

Căn cứ Giấy ghi nợ của nguyên đơn cung cấp thì đến ngày 05/8/2014, chị T nợ của chị Nguyễn Thị S số tiền là 13.770.000 (mười ba triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền thức ăn gia súc, có chữ ký của chị T; đến ngày 27/12/2014 (âm lịch) chị T trả 2.000.000 đồng, còn nợ 11.770.000 (mười một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng). Chị T không thừa nhận chữ ký là của Chị và yêu cầu cơ quan chuyên môn giám định. Tại Kết luận giám định số 383/KL-KYHS ngày 10/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự

Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Chữ ký dạng chữ viết "T" dưới dòng chữ có nội dung "còn nợ lại: 13.770.000" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Võ Thị T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 là do cùng một người ký ra, chị T cho rằng Kết luận giám định không đúng nhưng không yêu cầu giám định lại mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc gia đình chị Võ Thị T mua thức ăn chăn nuôi của chị Nguyễn Thị S là có thật được chị Võ Thị T thừa nhận. Mặc dù chị T cho rằng đã thanh toán xong không còn nợ nhưng trong sổ ghi nợ của chị S, chị T vẫn còn nợ 13.770.000 có chữ ký của chị T; cơ quan chuyên môn đã giám định và kết luận đó là chữ ký của chị T. Do đó, việc chị S khởi kiện là có căn cứ, chị S không yêu cầu chị T phải trả lãi là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật nên chấp nhận. Vì vậy, cần áp dụng các điều 280, 375, 434, 440 của Bộ luật dân sự; buộc chị T phải có trách nhiệm trả cho chị S số tiền còn nợ là 11.770.000 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng: Chị Võ Thị T phải chịu 1.200.000 đồng chi phí giám định theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 280, 357, 430, 434, 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị S. Buộc chị Võ Thị T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị S số tiền còn nợ 11.770.000 đồng (mười một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc chị Võ Thị T phải chịu 1.200.000 đồng chi phí giám định (chị Thanh đã nộp đủ). Trả lại tại phiên tòa cho chị Nguyễn Thị S 2.500.000 đồng tiền chi phí giám định đã nộp.

3. Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu 588.500 đồng (năm trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị S 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo Biên lai số 31AA/2021/0004050 ngày 20/3/2023.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**